

triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên việc thực hiện một số loại đất vượt quá mức kế hoạch được duyệt như đất ở (đất ở đô thị). Ở đây mặc dù có yếu tố thực tế khách quan như: thành lập phường Dữu Lâu, xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở đô thị... Nhưng còn do quá trình lập kế hoạch trước đây chưa dự báo đầy đủ, một lý do khác là việc quản lý chưa đầy đủ như: do tính lại diện tích khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân nông thôn, đối với đất ở đô thị cũng chưa quản lý được tốt.

B) Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2007 - 2015 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010.

I- Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2007 - 2015.

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất đến năm 2015.

1.1. Đất nông nghiệp.

Trong giai đoạn quy hoạch chuyển mục đích sử dụng sang các mục đích phi nông nghiệp là 1340,34 ha, đồng thời diện tích đất nông nghiệp được bổ sung 66,32 ha từ đất chưa sử dụng.

1.2. Đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp đến 2015 là 6.175,11 ha, tăng thêm 1.396,99 ha so với năm 2006.

a) Đất ở.

Diện tích đất ở đến cuối năm 2015 là 1.449,88 ha, tăng thêm 397,44 ha so với năm 2006.

b) Đất chuyên dùng.

Diện tích đất ở đến cuối năm 2015 là 3.776,43 ha, tăng thêm 1.038,40 ha so với năm 2006.

c) Đất tôn giáo, tín ngưỡng: giữ nguyên 9,40 ha.

d) Đất nghĩa trang nghĩa địa: 102,01 ha, tăng 2,00 ha so với năm 2006.

e) Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng: 829,88 ha, giảm 39,82 so với năm 2006.

g) Đất phi nông nghiệp khác: 7,51 ha, giảm 1,03 ha so với năm 2006.

1.3. Đất chưa sử dụng.

Diện tích đất chưa sử dụng đến cuối năm 2015 là 171,18 ha giảm 122,97 ha so với năm 2006, trong đó:

a) Đất bằng chưa sử dụng: 67,51 ha, giảm 88,81 ha do chuyển sang đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng: 103,67 ha, giảm 34,16 ha do chuyển sang đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp.

2. Diện tích chuyển mục đích trong giai đoạn 2007 - 2015.

2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Trong giai đoạn quy hoạch 2007 - 2015 diện tích chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 1.340,34 ha.

2.2. Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp: 334,67 ha,

2.3. Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở: 9,00 ha, trong đó: Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất 3,12 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa 0,38 ha, đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 5,50 ha.

2.4. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 4,51 ha

2.5. Đất chưa sử dụng.

Đất chưa sử dụng chuyển mục đích sử dụng 123,87 ha sang đất nông nghiệp 66,32 ha và đất phi nông nghiệp 56,65 ha.

3. Diện tích đất phải thu hồi trong giai đoạn 2007 - 2015.

3.1. Đất nông nghiệp.

Trong giai đoạn quy hoạch 2007 - 2015 diện tích phải thu hồi là 1.341,77 ha;

3.2. Đất phi nông nghiệp.

Thu hồi 106,56 ha đất phi nông nghiệp, trong đó đất ở 35,64 ha (đất ở đô thị 17,41 ha, đất ở nông thôn 18,23 ha); Đất trụ sở cơ quan 1,32 ha; Đất quốc phòng an ninh 1,88 ha; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 5,24 ha; đất có mục đích công cộng 16,30 ha; Đất nghĩa trang nghĩa địa 4,10 ha; Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 39,82 ha; Đất phi nông nghiệp khác 1,03 ha.

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích.

4.1. Đất bằng chưa sử dụng.

a) Chuyển sang đất nông nghiệp: 39,02 ha.

b) Chuyển sang đất phi nông nghiệp: 49,79 ha.

4.2. Đất đồi núi chưa sử dụng.

a) Chuyển sang đất nông nghiệp: 27,30 ha (trồng rừng sản xuất).

b) Chuyển sang đất phi nông nghiệp: 6,86 ha.

II- Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010.

1. Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2010.

Diện tích đất đai thành phố Việt Trì đến cuối năm 2010 là: 10.644,75 ha, được phân bổ như sau:

1.1. Đất nông nghiệp đến cuối năm 2010: 4.675,18 ha, giảm 897,30 ha so với năm 2006,

1.2. Đất phi nông nghiệp đến cuối năm 2010: 5.778,46 ha, tăng 1.000,34 ha. Do chuyển từ đất nông nghiệp sang 956,32 ha và đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 44,02 ha.

a) Đất ở: 1.302,32 ha, tăng 249,88 ha,

b) Đất chuyên dung: 3.527,21 ha tăng 798,18 ha.

c) Đất tôn giáo, tín ngưỡng: giữ nguyên 9,40 ha.

d) *Đất nghĩa trang nghĩa địa*: 102,01 ha, tăng 2,00 ha so với năm 2006, trong đó tăng từ đất nông nghiệp 6,10 ha đồng thời giảm 4,10 ha sang mục đích khác.

e) *Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng*: 830,01 ha, giảm 39,69 ha so với năm 2006 do chuyển sang đất chuyên dùng.

g) *Đất phi nông nghiệp khác*: 7,51 ha, giảm 1,03 ha so với năm 2006.

1.3. Đất chưa sử dụng đến cuối năm 2010: 191,11 ha, giảm 103,04 ha. Do đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp là 59,02 ha, đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp 44,02 ha.

a) *Đất bằng chưa sử dụng*: 79,05 ha, giảm 77,27 ha. Do đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp 37,02 ha, đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp 40,25 ha.

b) *Đất đồi núi chưa sử dụng*: 112,06 ha, giảm 25,77 ha. Do đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp 22,00 ha, đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp 3,77 ha.

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.

2.1. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

Tổng diện tích đất nông nghiệp cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ kế hoạch là 956,32 ha.

a) *Đất sản xuất nông nghiệp*: 845,24 ha, gồm:

b) *Đất lâm nghiệp*: 35,29 ha.

c) *Đất nuôi trồng thủy sản*: 75,79 ha.

2.2. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp.

a) *Chuyển đất trồng 1 vụ lúa lên trồng 2 vụ lúa*: là 11,84 ha, được thực hiện tại xã Kim Đức vào các năm 2008 là 6,00 ha, năm 2009 là 5,84 ha.

b) *Chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang trồng hoa*: ở xã Sông Lô là 2,0 ha, được thực hiện vào năm 2008 và ở xã Thụy Vân 11,00 ha vào năm 2007, 2008, 2009, 2010.

c) *Chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang nuôi trồng thủy sản*: là 96,71 ha, được thực hiện vào các năm: Năm 2007 là 24,00 ha, năm 2008 là 26,13 ha, năm 2009 là 22,00 ha, năm 2010 là 24,58 ha.

d) *Chuyển đất trồng lúa nước còn lại sang nuôi trồng thủy sản*: là 48,00 ha, được thực hiện vào các năm: Năm 2007 là 13,50 ha, năm 2008 là 13,50 ha, năm 2009 là 13,50 ha, năm 2010 là 7,50 ha.

e) *Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác* 0,07 ha, được thực hiện vào năm 2007 tại xã Chu Hóa.

g) *Chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất trồng cây ăn quả*: 100,00 ha, được thực hiện vào các năm: Năm 2007 là 25,00 ha, năm 2008 là 25,00 ha, năm 2009 là 25,00 ha, năm 2010 là 25,00 ha.

i) *Chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp khác*: 1,36 ha, được thực hiện vào các năm 2007 tại xã Chu Hóa.

2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở.

Diện tích đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất trong thời kỳ kế hoạch là 8,10 ha được thực hiện vào các năm 2007 là 2,60 ha và năm 2009 là 5,50 ha.

2.4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở.

Diện tích đất phi nông nghiệp không phải đất ở (đất trụ sở cơ quan, đất quốc phòng an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất phi nông nghiệp khác) chuyển sang đất ở trong kỳ kế hoạch là 3,77 ha được thực hiện vào năm 2007 là 0,61 ha, năm 2008 là 1,53 ha, năm 2009 là 1,07 ha và năm 2010 là 0,56 ha.

3. Kế hoạch thu hồi đất trong kỳ kế hoạch.**3.1. Đất nông nghiệp.**

Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong kỳ kế hoạch là 956,32 ha trong đó:

- a) *Đất sản xuất nông nghiệp*: 845,24 ha, gồm:
 - + Đất trồng cây hàng năm: 731,69 ha (Đất chuyên trồng lúa nước 261,27 ha)
 - + Đất trồng cây lâu năm: 113,55 ha
- b) *Đất lâm nghiệp*: 35,29 ha.
- c) *Đất nuôi trồng thủy sản*: 75,79 ha.

3.2. Đất phi nông nghiệp.

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi trong kỳ quy hoạch là 91,01 ha. Trong đó:

- a) *Đất ở*: 24,89 ha trong đó: Đất ở nông thôn 9,95 ha, đất ở đô thị 14,94 ha.
- b) *Đất chuyên dùng*: 21,30 ha, trong đó:
 - + Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 1,27 ha.
 - + Đất quốc phòng an ninh: 1,88 ha.
 - + Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 4,04 ha.
 - + Đất có mục đích công cộng: 14,11 ha
- c) *Đất nghĩa trang, nghĩa địa*: 4,10 ha.
- d) *Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng*: 39,69 ha.
- e) *Đất phi nông nghiệp khác*: 1,03 ha.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.**4.1. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp.**

Tổng diện tích đất chưa sử dụng dự kiến đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp trong kỳ kế hoạch của thành phố Việt Trì là 59,02 ha. Trong đó:

a) Đưa đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông nghiệp là 35,00 ha cụ thể như sau: - Đất chưa sử dụng đưa vào trồng cây hàng năm là 24,00 ha.

- Đất chưa sử dụng đưa vào trồng cây lâu năm là 11,00 ha.

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích lâm nghiệp 22,00 ha.

c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản là 2,00 ha.

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp khác là 0,02 ha.

4.2. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

a) Đưa đất chưa sử dụng vào mục đích đất ở là 5,20 ha (đất ở tại nông thôn là 0,81 ha, đất ở tại đô thị là 4,39 ha).

b) Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích đất chuyên dùng 38,82 ha, trong đó:

+ Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 2,90 ha.

+ Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích đất có mục đích công cộng là 35,92 ha.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

- UBND thành phố trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2007 - 2015 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của thành phố Việt Trì; Đồng thời tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cũng như báo cáo tình hình thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND thành phố giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị Quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Việt Trì khóa XVIII, kỳ họp 11 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2008.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đình Phan Rang